

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2020

Về việc: Ly hôn, giải
quyết nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kiểm – Chức vụ: Phó hiệu trưởng trường tiểu học Dương Đông 1.

2. Ông Nguyễn Phước Lộc – Chức vụ:

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02/01/2020, về: "Ly hôn, giải quyết nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 12/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp ĐB, xã DT, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp ĐB, xã DT, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

3. Con chung: Cháu Phan Phạm Phúc M, sinh năm 2007; cháu Phan Phạm Minh H, sinh năm 2015 (cùng địa chỉ với cha mẹ).

(chị H có đơn xin vắng mặt, anh H và con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Phan Văn H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ph D, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình vào ngày 08 tháng 01 năm 2007.

Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là Phan Phạm Phúc M và Phan Phạm Minh H. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Anh H thường xuyên đi chơi tham gia các tệ nạn xã hội ham mê cờ bạc và gây bạo lực gia đình đánh đập chị H nhiều lần. Từ tháng 9 năm 2019 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn quay về chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Khi ly hôn chị H tự nguyện giao người con chung tên Phan Phạm Phúc M cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung Phan Phạm Minh H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị H không yêu cầu xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn H được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H thấy có cơ sở chấp nhận, vì hôn nhân giữa chị H và anh H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn và hiện nay đã sống ly thân. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về con chung: Chị H tự nguyện giao người con chung Phan Phạm Phúc M cho anh H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đồng thời cháu M có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì được ở cùng với cha là Phan Văn H. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung Phan Phạm Minh H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014, để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của con chưa thành niên đề nghị giao người con chung Phan Phạm Phúc M cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc; giao người con chung Phan Phạm Minh H cho chị Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị miễn xét

Về công nợ chung: Chị H cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không có ý kiến và không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị H.

Anh Phan Văn H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phan Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ph D, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình ngày 08/01/2007 là hôn nhân hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị H và anh H thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh H và chị H thường xuyên bất hòa, đánh nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phan Văn H.

[3] Về con chung: Chị H tự nguyện giao người con chung Phan Phạm Phúc M cho anh Hưng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đồng thời cháu M có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì được ở cùng với cha là Phan Văn H; Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung Phan Phạm Minh H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị H và anh H. Việc cấp dưỡng Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét

[5] Về công nợ chung: Chị H cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Phan Văn H.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Phan Phạm Phúc M cho anh Phan Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

b. Giao cháu Phan Phạm Minh H cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phạm Thị H và anh Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi do các bên không yêu cầu.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét

4. Về công nợ chung: Chị H cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0007005 ngày 02/01/2020, chị H không phải nộp thêm.

Anh Phan Văn H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND thị trấn Phát Diệm,
huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Triệu